

## HOẠT ĐỘNG SINH KẾ CỦA NGƯỜI LỰ Ở XÃ BẢN HON HUYỆN TAM ĐƯỜNG, TỈNH LAI CHÂU HIỆN NAY<sup>1</sup>

CN. Nguyễn Thu Trang

Viện Dân tộc học

Email: traggnguyen3110@gmail.com

**Tóm tắt:** Trong bối cảnh của nền kinh tế thị trường, đời sống kinh tế - xã hội của người Lự ở xã Bản Hon, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu đang biến đổi nhanh chóng, trong đó có hoạt động sinh kế. Dựa trên nghiên cứu thực địa, bài viết này cho thấy, ngoài các sinh kế truyền thống, một số hình thức sinh kế mới như kinh doanh dịch vụ homestay, làm thuê, làm công nhân tại các công ty,... đã dần xuất hiện, bước đầu góp phần cải thiện đời sống của người dân nơi đây. Trong bối cảnh đó, bên cạnh sự năng động và thích ứng, nghiên cứu cũng chỉ ra không ít thách thức trong hoạt động sinh kế hiện nay của cộng đồng này như tình trạng biến đổi khí hậu, sự suy giảm nguồn tư liệu sản xuất, hay những hạn chế về nguồn lực con người.

**Từ khóa:** Sinh kế, người Lự, xã Bản Hon, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu.

**Abstract:** In the market economy context, the socioeconomic life of Lu people in Ban Hon commune, Tam Duong district, Lai Chau province, is changing rapidly, including livelihood activities. Based on field research, this article shows that in addition to traditional livelihoods, several new livelihoods have gradually appeared, such as providing homestay services and working as wage labourers and workers at companies, initially contributing to improving the lives of people there. In that context, besides the advantages of vibrancy and adaptation, the study also points out many challenges in this community's current livelihood activities, such as climate change, the decline of production resources, and human resource limitations.

**Keywords:** Livelihood, Lu people, Ban Hon commune, Tam Duong district, Lai Chau province.

Ngày nhận bài: 3/9/2023; ngày gửi phản biện: 11/9/2023; ngày duyệt đăng: 20/10/2023.

### Mở đầu

Sinh kế là một thuật ngữ phổ biến trong nghiên cứu khoa học xã hội, được định nghĩa theo nhiều cách thức và ở cấp độ khác nhau; song những cách diễn giải này đều có điểm

---

<sup>1</sup> Bài viết là một phần kết quả nghiên cứu từ luận văn thạc sỹ: “Sinh kế của người Lự ở xã Bản Hon, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu hiện nay” do học viên Nguyễn Thị Thu Trang thực hiện năm 2022-2023.

chung trong việc nhấn mạnh các nguồn lực, khả năng, tài sản và hoạt động cần thiết để con người đưa ra những quyết định hành động kiếm sống (Nguyễn Đăng Hiệp Phó, 2016, tr. 101-102). Nghiên cứu sinh kế truyền thống và những hình thức sinh kế mới xuất hiện không những góp phần làm rõ hơn những đặc trưng trong văn hóa mưu sinh của từng tộc người mà còn cho thấy khả năng vận động, thích ứng của họ trong những giai đoạn lịch sử cụ thể. Vì thế, vấn đề sinh kế của các cư dân, nhất là dân tộc thiểu số (DTTS) luôn nhận được không ít sự quan tâm của các lĩnh vực nghiên cứu, trong đó có Dân tộc học/Nhân học.

Là một dân tộc có số dân rất ít ở Việt Nam, dân tộc Lự cư trú ở những địa bàn giao thông không thuận lợi, đời sống kinh tế - xã hội còn gặp nhiều khó khăn. Đến nay đã có một số công trình nghiên cứu khá chuyên sâu về người Lự (Viện Dân tộc học, 1978; 1983; Lê Ngọc Thắng và Lâm Bá Nam, 1990; Hoàng Sơn, 2006; Lê Ngọc Thắng và cộng sự, 2006; Phạm Quang Hoan, chủ biên, 2012; Hoàng Nam, 2013;...). Tuy nhiên, các nghiên cứu chủ yếu tìm hiểu quá trình lịch sử tộc người, phong tục tập quán, hôn nhân gia đình, các hoạt động sinh kế truyền thống,... của tộc người Lự ở Việt Nam. Trong khi vấn đề biến đổi và thích nghi của người Lự trên mọi phương diện đời sống trong quá trình giao lưu, hội nhập, nhất là trong lĩnh vực sinh kế lại chưa được đề cập đến nhiều. Xã Bản Hon, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu là nơi có đông người Lự cư trú và thực trạng đời sống sinh kế của người Lự ở đây vẫn còn là vấn đề còn bỏ ngỏ. Vì vậy, thông qua nghiên cứu này chúng tôi mong muốn làm rõ bức tranh về hoạt động sinh kế của người Lự trong bối cảnh hiện nay. Nghiên cứu sử dụng phương pháp chủ đạo là điền dã Dân tộc học qua chuyến khảo sát thực địa vào tháng 7/2023 với các mẫu phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm đa dạng về độ tuổi, giới tính, điều kiện kinh tế, nghề nghiệp, hoàn cảnh gia đình,... Bên cạnh đó, nghiên cứu tổng hợp các số liệu thứ cấp từ địa phương, tổng quan các công trình đã xuất bản và sử dụng phương pháp chuyên gia.

### **1. Địa bàn và tộc người nghiên cứu**

Huyện Tam Đường được thành lập vào ngày 14/1/2002 theo Nghị định số 08/2002/NĐ-CP của Chính phủ trên cơ sở tách huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Đây là một huyện vùng cao, có địa hình đồi núi phức tạp, bị chia cắt bởi các dãy núi chạy dài theo hướng Tây Bắc - Đông Nam. Về cơ cấu kinh tế của huyện: nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 36,86%; công nghiệp, xây dựng chiếm 24,4%; thương mại, dịch vụ chiếm 38,74%. Thu nhập bình quân đầu người năm 2022 đạt 38 triệu đồng/năm, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều là 25,52% (UBND huyện Tam Đường, 2022). Đây cũng là địa bàn sinh sống của 12 DTTS, trong đó người Lự tập trung chủ yếu ở ba xã là Nà Tăm, Bình Lự và Bản Hon.

Xã Bản Hon nằm ở phía tây nam của huyện Tam Đường với tổng diện tích đất tự nhiên là 5.399,25ha (UBND huyện Tam Đường, 2022). Vị trí địa lý nằm sâu trong vùng miền núi phía Bắc nên xã Bản Hon có địa hình đa dạng với nhiều đồi núi cao và thung lũng. Xã có 08 bản (Bản Hon, Bản Thắm, Đông Pao I, Đông Pao II, Chăn Nuôi, Nà Khum, Bải Trâu, Hoa Dì Hồ) với dân số 2.873 người, trong đó chủ yếu là người Lự với 2.661 người (89,6%). Trên địa

bản xã, dân tộc Lự thường cư trú ở các thung lũng nhỏ có địa hình tương đối bằng phẳng, được tạo bởi các dãy núi, khe suối, khoảng cách từ các bản đến trung tâm xã từ 1 - 15km. Tỷ lệ hộ nghèo toàn xã là 33,67%, hộ cận nghèo - 40,83%, hộ có mức sống trung bình - 18,33% và thu nhập bình quân đầu người đạt 36 triệu/người/năm (UBND xã Bản Hon, 2022). Đời sống sinh kế truyền thống của người Lự ở xã Bản Hon gắn liền với sản xuất nông nghiệp, trong đó trồng trọt là hoạt động chủ đạo. Những năm gần đây, cũng như nhiều DTTS khác trong cả nước, trong điều kiện môi trường tự nhiên và xã hội thay đổi, tộc người này đang có xu hướng tìm kiếm các phương thức mưu sinh mới, dựa trên khả năng, tiềm lực của mỗi cá nhân và gia đình.

## **2. Hoạt động nông - lâm nghiệp**

Hiện nay, trồng trọt vẫn là sinh kế chủ yếu của người Lự tại xã Bản Hon, song đã có sự thay đổi về cơ cấu cây trồng và kỹ thuật chăm sóc. Theo thống kê, tổng diện tích gieo trồng cây lương thực toàn xã là 547ha, trong đó: lúa nước 258ha (vụ Đông xuân 17ha, vụ Hè thu 241ha), ngô 289ha; diện tích hoa màu và rau, củ, quả các loại là 44ha, cây dài ngày (cây chè, thảo quả, mắc ca,...) là 356,8ha (UBND xã Bản Hon, 2022). Chăn nuôi vẫn chỉ là nguồn sinh kế phụ, chủ yếu phục vụ nhu cầu thực phẩm của hộ gia đình.

### **2.1. Canh tác ruộng nước**

Do cư trú ở địa bàn có độ dốc cao nên để thích ứng với môi trường sinh sống, người Lự trước kia đã dày công khai phá những chân đồi, đồng thời kết hợp làm nương dẫn nước từ nguồn khe suối về làm ruộng (Hoàng Sơn, 2006). Lúa nước chủ yếu được canh tác vào vụ Hè thu, trồng từ tháng 4, 5 và thu hoạch vào tháng 9, 10. Đây là thời điểm bắt đầu mùa mưa, nguồn nước tự nhiên cung cấp cho cây trồng bên cạnh những công trình thủy lợi sẵn có.

Lương thực chính trong các bữa cơm hàng ngày của người Lự ở xã Bản Hon chủ yếu là cơm gạo tẻ nên người dân ưu tiên các giống lúa tẻ. Ngoài giống lúa địa phương cho năng suất thấp, những năm gần đây, người dân đã sử dụng giống lúa mới, cho năng suất và chất lượng cao hơn như DS1, Hương Thơm,... Đây là những giống lúa có sức chịu hạn, chịu rét tốt, thời gian sinh trưởng ngắn (khoảng 95 - 105 ngày), góp phần tăng năng suất, đảm bảo lương thực. Hàng năm, xã Bản Hon tổ chức các lớp tập huấn trồng trọt nên người dân có thêm kiến thức về kỹ thuật chăm bón, thuốc trừ sâu bệnh, diệt cỏ,... trong sản xuất. Lúa nếp được trồng với diện tích nhỏ để sử dụng những ngày lễ tết, cưới hỏi hoặc tang ma. Trong năm 2022, bình quân sản xuất lương thực đầu người trên toàn xã ước tính đạt 859,07kg/người/năm (UBND xã Bản Hon, 2022). Hầu hết lúa làm ra chỉ dùng để phục vụ nhu cầu của gia đình, hiếm khi để bán.

### **2.2. Canh tác nương rẫy**

Trên nương, đồng bào canh tác đa dạng các loại cây trồng: ngô, lạc, rau, củ, quả để phục vụ nhu cầu về lương thực, thực phẩm của gia đình; cây chè phục vụ mục đích hàng hóa; cây

bông làm nguyên liệu cho may mặc,... Theo truyền thống, những mảnh nương tốt ngoài trồng cây lương thực và các loại rau, củ xen canh sẽ được ưu tiên trồng bông nhằm phục vụ nhu cầu dệt vải để may trang phục cho các thành viên trong gia đình. Tuy nhiên, diện tích trồng bông đang giảm đi do xu hướng sử dụng trang phục may sẵn trên thị trường. Những bộ trang phục truyền thống tự làm ra chỉ được mặc vào các dịp quan trọng. Trước kia, đồng bào có trồng lúa nương nhưng do năng suất thấp nên trên nương hiện nay, cây chè chiếm diện tích chủ yếu, sau đó là ngô, lạc và một số loại rau, củ, quả khác. Một năm người dân trồng hai vụ ngô lai, thay vì một vụ giống ngô địa phương như trước đây. Ngô được trồng chủ yếu để làm thức ăn cho chăn nuôi. Để nhường diện tích đất nương cho cây chè, người dân đang có xu hướng trồng ngô trên các chân ruộng.

Những năm gần đây, dựa vào ưu thế về điều kiện khí hậu và thổ nhưỡng, hầu như gia đình nào cũng trồng hai giống chè là Shan Tuyết và Kim Tuyên. Giống chè Shan Tuyết có chất lượng không hề thua kém các loại chè nổi tiếng khác ở huyện Mộc Châu (tỉnh Sơn La) hay tỉnh Thái Nguyên. Ngoài được trồng chủ yếu trên nương, chè còn được trồng xung quanh vườn nhà. Hàng năm, tổng diện tích chè trong toàn xã có xu hướng tăng. Trong năm 2021, diện tích chè là 102,9ha, nhưng tính đến cuối năm 2022 đã tăng lên 122,3ha (UBND xã Bản Hòn, 2021; 2022); trung bình hộ ít nhất cũng trồng khoảng 0,5 - 1ha, mỗi năm thu hoạch được 4 - 5 lứa. Ở xã Bản Hòn hiện nay, chè được xác định là cây hàng hóa, có vai trò quan trọng trong cơ cấu kinh tế của địa phương nên chính quyền xã đang vận động bà con chuyển đổi diện tích trồng ngô, lúa sang diện tích trồng chè chất lượng cao và nhiều lớp tập huấn chuyển giao kỹ thuật trồng và chăm sóc chè đã được địa phương tổ chức. Nhờ ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật nên năng suất cây chè ngày càng tăng, góp phần cải thiện thu nhập và ổn định đời sống cho người dân.

Trên địa bàn xã hiện có một công ty chuyên thu mua chè (chủ yếu là chè Kim Tuyên) do người Kinh làm chủ. Một số công ty chè ở thị trấn Tam Đường cũng vào thu mua chè của bà con thường xuyên nhưng chủ yếu là chè Shan Tuyết. Chè hiện nay có giá thu mua dao động từ 4.000 - 6.000 đồng/kg với búp chè tươi. Một người dân cho biết: *“Thu nhập chính của bà con ở đây là cây chè. Nhà nào trồng nhiều mà cuối năm đi lấy tiền một thể cũng được 50 triệu đồng. Mọi người thường ký hợp đồng với bên công ty, họ sẽ cung cấp giống, phân bón cho người dân và ghi sổ lại, đến lúc thu hoạch chè thì sẽ bán lại cho họ rồi trừ đi tiền giống và phân bón được họ cung cấp trước”* (PVS, nữ, 21 tuổi, thôn Bản Thẳm).

### 2.3. Cây ăn quả

Từ năm 2011, huyện Tam Đường có chính sách cho những nơi có diện tích đất sản xuất kém hiệu quả triển khai dự án hỗ trợ chuyển đổi sang trồng các loại cây ăn quả có giá trị cao. Giai đoạn năm 2013 - 2014, nổi bật ở xã Bản Hòn là mô hình thí điểm trồng cam (giống cam V2, cam Vinh) và mắc ca ở bản Đông Pao và bản Chăn Nuôi. Đến năm 2022, diện tích trồng cây ăn quả của xã Bản Hòn là 68,7ha và cây mắc ca là 141,6ha (UBND xã Bản Hòn, 2022). Những năm đầu triển khai dự án, huyện Tam Đường phối hợp với xã cùng các bên liên quan

đã mở những lớp tập huấn, qua đó, người dân được nâng cao nhận thức và từng bước áp dụng kỹ thuật mới trong trồng cây ăn quả. Riêng với mô hình trồng cam, trong 3 năm đầu, người dân được hỗ trợ về vật tư phân bón, thuốc bảo vệ thực vật. Vì phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu nên hai loại cây trồng mới này đã cho ra sản phẩm có chất lượng và mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn so với các cây trồng khác. Cam thu hoạch mỗi năm một vụ từ tháng 10 đến tháng 12 và thường được tiêu thụ ngay trên địa bàn xã hoặc ở chợ xã Bình Lư cùng huyện. Giá cam dao động từ 15.000 - 20.000 đồng/kg và sau khi trừ hết chi phí, trung bình một vụ cam cho thu nhập khoảng 50 triệu đồng/hộ.

Bên cạnh đó, tận dụng diện tích vườn cam, người dân còn trồng xen kẽ thêm một số cây ăn quả như dứa đỏ, mắc khén, dưa mèo,... để phục vụ nhu cầu gia đình cũng như đa dạng hóa nguồn thu nhập. Một số hộ dân trồng thêm cây ổi đan xen cây cam để chữa bệnh vàng lá cũng như xua đuổi các loại sâu bệnh hại cam. Ban đầu, cây ổi không được chăm sóc nên còi cọc. Sau khi được chính quyền hướng dẫn các kỹ thuật như bón phân, bọc quả nên cây ổi dần phát triển nhanh, ra nhiều trái, đem lại hiệu quả kinh tế.

#### **2.4. Lâm nghiệp**

Hiện nay, thực hiện chính sách của Nhà nước, rừng được giao cho từng hộ gia đình chăm sóc, bảo vệ và quản lý. Việc người dân tự ý chặt phá rừng và khai thác gỗ hoàn toàn bị nghiêm cấm nên không còn diễn ra. Người Lự ở xã Bản Hon đã tập trung trồng rừng và bảo vệ rừng để chống xói mòn đất, phủ xanh đất trống đồi trọc. Năm 2022, tổng diện tích rừng toàn xã có 3.125ha, trong đó rừng trồng là 226ha, tỷ lệ che phủ đạt 54,7%. Cũng trong năm này, UBND xã Bản Hon đã thực hiện công tác chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2021 cho 751 hộ dân với tổng số tiền 1.548.263.614 đồng (UBND xã Bản Hon, 2022). Tiền chi trả cho dịch vụ môi trường rừng đã trở thành nguồn thu nhập ổn định cho những hộ dân tham gia hàng năm.

#### **2.5. Chăn nuôi**

Chăn nuôi được coi là hình thức sinh kế phụ nhưng thiết yếu đối với đồng bào Lự ở xã Bản Hon. Hình thức chăn nuôi vẫn mang tính nhỏ lẻ, cá nhân hộ gia đình với một số vật nuôi chủ yếu như: trâu, bò, lợn, gà, vịt. Năm 2022, tổng số đàn lợn toàn xã là 1.066 con, trâu - 461 con, dê - 140 con, ngựa - 35 con, gia cầm - 9.000 con (UBND xã Bản Hon, 2022). Người dân chăn nuôi với mục đích chủ yếu là phục vụ nhu cầu cúng lễ hàng năm của gia đình, đồng họ hoặc cải thiện bữa ăn gia đình; chỉ một số ít hộ dùng để cung cấp sức kéo trong sản xuất nông nghiệp vì đa phần hiện nay đồng bào đã chuyển sang sử dụng máy móc nông nghiệp. Số hộ có sản phẩm chăn nuôi bán ra ngoài thị trường không nhiều.

Trước kia, người Lự thường chăn nuôi theo hình thức thả rông. Những năm gần đây, nhất là từ khi triển khai Đề án “*Hỗ trợ, phát triển dân tộc Lự trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2017 - 2025*” và xây dựng mô hình du lịch cộng đồng tại bản Thẩm thì trên 90% gia súc, gia cầm ở toàn xã đã được nuôi nhốt trên lán xa nhà để đảm bảo cảnh quan xóm làng.

Thức ăn cho vật nuôi chủ yếu vẫn là ngô, cây chuối, cỏ voi,... Do diện tích cỏ tự nhiên ngày càng thưa thớt, không đủ cho chăn nuôi nên người dân đã trồng thêm cỏ voi để thay thế. Cỏ voi có hàm lượng dinh dưỡng cao hơn các loại cỏ tự nhiên, phát triển nhanh, chống chịu hạn tốt và phù hợp với khí hậu, thổ nhưỡng ở địa phương nên được người dân tận dụng cả những khoảng đất trống ven đường, ao, suối,... để trồng. Với đặc thù địa hình trên cao, vào mùa đông thời tiết khắc nghiệt hơn những vùng khác nên người dân vẫn duy trì giống lợn địa phương (có khả năng thích nghi cao) và quây chuồng cẩn thận. Lợn lai cũng được chăn nuôi nhưng không nhiều, bởi khó bán và không được giá như giống địa phương. Thức ăn cho lợn chủ yếu được tận dụng từ các hoạt động trồng trọt của gia đình, ít phụ thuộc vào nguồn cám công nghiệp nên kể cả khi giá lợn hơi xuống thấp cũng không ảnh hưởng quá nhiều tới các hộ chăn nuôi.

### **3. Các hoạt động sinh kế khác**

#### **3.1. Nghề thủ công**

Trong xã hội truyền thống của người Lự, nghề dệt gắn liền với vai trò của người phụ nữ trong mỗi gia đình. Qua các thế hệ, các bà, các mẹ truyền nghề lại cho con gái, con dâu của mình nên gia đình nào cũng có người biết dệt. Đây cũng là một yếu tố quan trọng để đánh giá phẩm hạnh của một người phụ nữ trong xã hội trước đây của người Lự. Bằng những đôi bàn tay khéo léo và sự tỉ mỉ, để làm ra một bộ trang phục truyền thống của nữ giới, bình quân người thợ sẽ mất khoảng gần một năm. Họ thường dệt vào khoảng thời gian rảnh rỗi hoặc lúc nông nhàn. Ngày nay, tuy việc trồng bông, dệt vải không phổ biến như xưa nhưng gần như nhà nào cũng có một diện tích trồng cây bông nhất định, được trồng chung với nương chè để làm nguyên liệu cho những bộ trang phục truyền thống mặc trong các dịp đặc biệt. Gia đình nào không tự làm ra được thì sẽ đặt người trong bản làm giúp với giá khoảng 3 triệu đồng/bộ trang phục nữ. Nhìn chung, nghề dệt hiện nay đang bị mai một dần, hầu hết những người biết dệt chỉ là các bà, các mẹ đã lớn tuổi. Lớp trẻ hiếm người thành thạo vì họ không có thời gian để học nghề cũng như không còn mặn mà với trang phục truyền thống.

#### **3.2. Hoạt động du lịch cộng đồng**

Trong quá trình hội nhập với nền kinh tế thị trường, một số hình thức sinh kế mới đã xuất hiện trong cộng đồng người Lự ở xã Bản Hòn, góp phần cải thiện đời sống, từng bước làm thay đổi cơ cấu kinh tế. Trong đó nổi bật nhất là hoạt động du lịch cộng đồng.

Với Đề án “*Hỗ trợ, phát triển dân tộc Lự trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2017 - 2025*”, hoạt động du lịch cộng đồng trên địa bàn xã bắt đầu được hình thành. Năm 2019, UBND xã đã khuyến khích các hộ gia đình trong thôn Bản Thảm chỉnh trang nhà cửa, làm công cho từng nhà, di chuyển chuồng trại từ gầm sàn nhà ra lán xa nhà,... để hoàn thiện điểm du lịch tại đây. Đến nay, có năm hộ trong bản tham gia mô hình homestay, những hộ này đều đã xây được nhà sàn đủ tiêu chuẩn và điều kiện để đón tiếp khách. Năm 2021, UBND xã phối hợp với Phòng Văn hóa và Thông tin huyện hỗ trợ mỗi hộ gia đình này 50 triệu đồng để xây

dựng nhà vệ sinh đúng quy chuẩn. Hoạt động triển khai mô hình du lịch cộng đồng không chỉ giúp làm đẹp cho cảnh quan mà còn đảm bảo vệ sinh môi trường sạch sẽ cho bản làng. Ngoài khách du lịch nội địa, đến nay, Bản Thẳm đã đón khách quốc tế ghé thăm. Trong năm 2021, khách du lịch tới tham quan tại điểm du lịch Bản Thẳm đạt trên 7.000 lượt; đến năm 2022 tăng lên 10.028 lượt khách (trong đó có 12 khách nước ngoài). Khách đến tham quan tập trung vào các dịp nghỉ lễ và ngày cuối tuần (UBND xã Bản Hon, 2021; 2022).

Các hoạt động phục vụ du lịch hiện nay gồm kinh doanh nhà nghỉ homestay (100.000 đồng/khách/đêm), dịch vụ ăn uống, cho thuê trang phục truyền thống các dân tộc có sẵn (50.000 đến 100.000 đồng/bộ),... qua đó, góp phần tạo nguồn thu nhập cho các hộ gia đình tham gia mô hình này. Những gia đình không làm homestay cũng được hưởng lợi từ du lịch thông qua việc bán các sản phẩm tự nuôi trồng như: gia cầm, lạc, các loại rau đặc sản, cây dược liệu,... cho du khách. Sau 5 năm thực hiện Đề án, hoạt động du lịch của xã Bản Hon đã từng bước phát triển và trở thành hoạt động sinh kế có tiềm năng.

### **3.3. Lao động làm thuê**

Đất sản xuất dần khan hiếm, thu nhập từ nông nghiệp không đáp ứng được nhu cầu cuộc sống nên xu hướng lớp trẻ rời bỏ bản làng đi làm thuê, đi làm ăn xa ở xã Bản Hon ngày càng tăng. Do sự nhanh nhạy, nắm bắt thông tin từ các trang mạng xã hội hoặc được bạn bè giới thiệu, một bộ phận người dân (chủ yếu ở độ tuổi từ 15 đến 40) đã có được việc làm tại các khu công nghiệp, nhà máy, cửa hàng,... ở các tỉnh, thành phố khác như Bắc Ninh, Bắc Giang, Hà Nội,... Có những gia đình đi cả cặp vợ chồng, để con cái ở nhà cho ông bà chăm sóc và thường một năm chỉ về nhà một lần vào dịp Tết Nguyên đán. Mức lương tháng của người lao động dao động trong khoảng 5 - 10 triệu đồng/người, tùy thuộc vào thời gian làm ca ngày, ca đêm hoặc giờ tăng ca, và tay nghề. Cuộc sống đi làm ăn xa thường vất vả vì người lao động phải tăng ca, tiết kiệm chi tiêu để gửi tiền về phụ giúp gia đình. Lương tuy thấp so với công sức bỏ ra nhưng thu nhập từ công việc làm thuê xa nhà vẫn ổn định hơn làm nông nghiệp.

Những năm gần đây, trên địa bàn xã Bản Hon cũng xuất hiện một số công ty, nhà máy, doanh nghiệp, tạo không ít việc làm cho người dân như Công ty Chăm Sơn, Nhà máy Xi măng Yên Bình, Nhà hàng và Homestay Thủy Thỏa,... Công ty Chăm Sơn tại thôn Bản Hon, xã Bản Hon được cấp giấy phép hoạt động từ năm 2018. Giai đoạn đầu cũng là thời điểm lượng nhân công là người dân địa phương được thu hút đông nhất (50 - 60 người) với công việc làm đường, phát thực bì,... Hiện nay, có khoảng 30 người là dân địa phương đang có việc làm chính thức tại công ty với mức lương ổn định 6 - 7,5 triệu đồng/tháng. Năm 2019, theo sự kêu gọi hỗ trợ đầu tư của huyện Tam Đường trong thực hiện Đề án "*Hỗ trợ, phát triển dân tộc Lự trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2017 - 2025*", trong đó có việc xây dựng homestay phục vụ du lịch cộng đồng, Nhà hàng Thủy Thỏa đã lựa chọn đầu tư tại thôn Bản Thẳm. Tuy nhiên, lượng khách không đều nên chỉ có ba nhân viên chính thức là người dân tại chỗ với mức lương 5 triệu đồng/người/tháng; khi đông khách sẽ thuê thêm nhân viên thời vụ và trả

công khoảng 300 - 400 nghìn đồng/người/ngày. Đầu năm 2020, Công ty Cổ phần Xi măng Norcem Yên Bình tại tỉnh Lai Châu được UBND tỉnh cấp quyết định về việc xây dựng nhà máy tại địa bàn thôn Bản Thắm, xã Bản Hòn và đến nay đã đi vào hoạt động chính thức. Công nhân là người Lự ở xã đang làm việc tại công ty có hơn 20 người, hầu hết là thanh niên. Những công nhân mới chưa có tay nghề sẽ được đào tạo, nhận mức lương khởi điểm là 5,5 triệu đồng/tháng và sẽ được tăng lương dần theo trình độ và kinh nghiệm.

Ngoài ra, trên địa bàn xã đang thực hiện Dự án làm đường giao thông. Nhà thầu dự án thuê nhân công là lao động địa phương theo thời vụ để làm các công việc đào cống rãnh, bốc vác, vận chuyển vật liệu,... Người lao động được trả công theo ngày, dao động từ 200.000 - 250.000 đồng/người/ngày. Đến vụ cấy, một số người dân đi cấy thuê, mỗi lần đi được trả công 200.000 đồng/người/ngày; hoặc hái chè thuê với công lao động là 2.000 đồng/kg. Tuy nhiên, những công việc này chỉ là tạm thời, không có tính ổn định.

Trong các năm 2019, 2020, UBND xã đã phối hợp với Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội huyện Tam Đường cử một nhóm phụ nữ ở xã Bản Hòn đi học nghề thêu tại Công ty Babely Hải Dương. Hiện nay, các học viên sau khi tốt nghiệp trở về địa phương đã nhận nguyên vật liệu của công ty để tạo ra các sản phẩm theo yêu cầu của đơn đặt hàng. Ngoài ra, các học viên này còn tiếp tục truyền dạy và lan tỏa nghề thêu đến với các chị em trong thôn bản nhằm tận dụng thời gian nhàn rỗi, tăng thêm thu nhập cho gia đình. Một người dân cho biết: *“Một số chị trước đây đi học nghề tại nhà máy nhận hàng về cho mọi người cùng làm. Những người tham gia thêu này có một nhóm zalo chung nên khi nào có hàng về mọi người sẽ phân chia nhau. Ai làm được nhiều nhận nhiều, làm ít nhận ít vì thời gian để giao nộp lại sản phẩm rất ngắn, nếu không hoàn thành đúng hạn sẽ không được tiền”* (PVS, nữ, 19 tuổi, thôn Bản Thắm). Lương tháng trung bình dao động 1 - 2 triệu đồng/người, thậm chí chỉ 200.000 - 300.000 đồng/người, tùy thuộc vào số lượng sản phẩm họ nhận làm và số lượng hàng về trong tháng.

#### **4. Một số vấn đề đặt ra**

Thời gian qua, bên cạnh các chính sách dân tộc chung cho các DTTS, người Lự ở xã Bản Hòn còn được thụ hưởng Đề án hỗ trợ phát triển kinh tế, xã hội các DTTS rất ít người. Các Chương trình 135 đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế; Chương trình mục tiêu Quốc gia; các chính sách đào tạo nghề, tạo việc làm, tăng thu nhập; chính sách vay vốn tín dụng cho các hộ nghèo có nhu cầu sản xuất kinh doanh; Đề án *“Hỗ trợ, phát triển dân tộc Lự trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2017 - 2025”*;... đã góp phần đa dạng các hoạt động sinh kế của đồng bào trong bối cảnh nguồn tư liệu sản xuất quan trọng là đất đai ngày càng thu hẹp. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt thuận lợi, sinh kế của người Lự ở xã Bản Hòn cũng đang đứng trước những thách thức không nhỏ.

*Thiếu tư liệu sản xuất:* Cộng đồng người Lự cư trú ở những nơi có địa hình đồi núi cao nên đất sản xuất thường có chất lượng kém và hạn chế về diện tích. Bên cạnh đó, để cải thiện

hệ thống cơ sở hạ tầng và làm các tuyến đường giao thông liên kết các tỉnh lộ, các dự án xây dựng đường sá, nhà máy, thủy điện, khu du lịch cộng đồng đã “vô tình” thu hồi một phần không nhỏ diện tích đất sản xuất, đất ở của người dân nơi đây. Vì vậy, việc mua đất, thuê đất của một bộ phận người dân nơi đây là hình thức thích ứng để bổ sung và mở rộng thêm phần diện tích đất sản xuất của gia đình. Họ thường sang xã lân cận là Bản Giang để thuê thêm đất canh tác, song quãng đường từ nhà ra khu sản xuất thường xa xôi, gây mất thời gian đi lại và tốn kém thêm chi phí vận chuyển. Sau mỗi mùa vụ canh tác, người thuê đất phải trả cho chủ đất một phần sản lượng thóc thu hoạch được. Phỏng vấn một người dân ở thôn Bản Thẳm đang thuê ruộng ở xã Bản Giang được biết: “Nhà mình trước có ruộng, bây giờ Nhà hàng Thủy Thỏa về thuê lại mảnh ruộng mình trồng hoa nên mình sang xã Bản Giang thuê lại ruộng. Ở đó, người dân họ đi làm công ty hết nên ruộng bỏ hoang, một số người cùng bản mình cũng sang đó thuê. Mỗi năm, sau vụ thu hoạch thì chỉ cần trả lại họ mấy bao thóc, thường thì làm được 10 bao sẽ trả họ 01 bao” (PVS, nữ, 28 tuổi, thôn Bản Thẳm).

*Biến đổi khí hậu:* Biến đổi khí hậu những năm gần đây là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng trực tiếp, nặng nề tới sản xuất nông nghiệp. Sự thay đổi của nhiệt độ cũng như sự xuất hiện khó lường của các hiện tượng cực đoan đã làm suy giảm nguồn thu nhập và mức sống của các hộ gia đình. Số liệu thống kê của UBND xã Bản Hòn cho thấy: trong các năm 2017, 2018 xảy ra hiện tượng nắng nóng gây hạn hán, có những thời điểm lại mưa lớn kéo dài (cuối tháng 5 đến đầu tháng 9), gây ra lũ lụt, sạt lở hư hại một số công trình thủy lợi, nước sinh hoạt của người dân, ảnh hưởng trực tiếp đến gieo trồng. Từ năm 2019 - 2022, gió lốc xuất hiện vào khoảng thời gian tháng 4 đã làm thiệt hại một phần diện tích cây trồng, hoa màu của người dân. Ngoài ra, sang đến đầu năm 2023, nắng nóng cực đoan do ảnh hưởng của hiện tượng El Nino đã gây nên nắng nóng kéo dài, nhiệt độ tăng cao hơn so với mọi năm, dẫn đến thiếu hụt nguồn nước sinh hoạt, tưới tiêu, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình sản xuất, tài sản, hoa màu và đời sống của nhân dân (UBND xã Bản Hòn, 2023). Theo phản ánh của người dân, nắng nóng hạn hán kéo dài, mùa mưa đến muộn và mưa ít hơn trước nên mặc dù đã được đầu tư các công trình thủy lợi (25 công trình thủy lợi với chiều dài 27,821km) nhưng vẫn không đủ để đáp ứng nhu cầu nguồn nước gieo cấy. Tại thời điểm khảo sát (tháng 7/2023), dù đã đến ngày cấy nhưng nguồn nước trong mương đã cạn khô, người dân chỉ có thể trông chờ mưa xuống.

*Sự hạn chế của người dân trong tiếp cận khoa học kỹ thuật:* Hiện nay, phần lớn người dân địa phương vẫn duy trì các kỹ thuật canh tác theo lối truyền thống, phụ thuộc nhiều vào điều kiện thời tiết, vì thế sản lượng cây trồng chưa cao. Sau khi dùng những mô hình thí điểm, người dân thường không chủ động để tiếp tục duy trì việc áp dụng các kiến thức khoa học đã được phổ biến. Điển hình là mô hình trồng cam, do người dân không đầu tư chi phí mua thuốc phun diệt trừ sâu bệnh theo đúng hướng dẫn đã khiến cho năng suất, chất lượng và giá thành bị suy giảm, vườn cam đang đứng trước nguy cơ bị phá bỏ do không còn mang lại lợi ích kinh tế. Chăn nuôi chưa được chú ý đầu tư để trở thành sản phẩm hàng hóa, chưa sử dụng phổ biến

các kỹ thuật chăn nuôi mới nên năng suất chăn nuôi thấp, các loại dịch bệnh của gia cầm, gia súc vẫn xảy ra thường xuyên.

Bên cạnh sản xuất nông nghiệp, trong các hoạt động sinh kế phi nông nghiệp, điển hình là lao động làm thuê, làm ăn xa, trình độ kỹ thuật cũng là một trở ngại đối với người dân. Đa phần lao động người Lự khi tham gia các hoạt động phi nông nghiệp đều chưa được qua trường lớp đào tạo nên thường không có tay nghề, trình độ. Trao đổi với cán bộ xã Bản Hon cho thấy, học sinh người Lự đang có xu hướng nghỉ học sau khi học hết lớp 9 và xin vào làm việc tại các cửa hàng cắt tóc, tiệm bánh, cửa hàng ăn uống,... trên huyện, tỉnh, thành phố để kiếm sống. Song, sau một thời gian ngắn, do không chịu nổi áp lực công việc nên đa phần đều đã bỏ việc và quay trở về địa phương làm nông nghiệp cùng gia đình hoặc thất nghiệp. Đây cũng là một trong những khó khăn trong việc đào tạo những lao động trẻ có tay nghề cho địa phương.

Trong hoạt động du lịch, Đề án “*Hỗ trợ, phát triển dân tộc Lự trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2017 - 2025*” mặc dù đã được triển khai từ năm 2017 và có lớp tập huấn cho các hộ kinh doanh, song kỹ năng làm dịch vụ của các hộ gia đình làm homestay vẫn còn yếu. Việc tự quảng bá cũng như tìm khách chưa được chủ động nên lượng khách đến ở những homestay do người dân làm chủ còn ít, khách tìm đến hầu hết là do những người đến trước giới thiệu. Dịch vụ ăn uống cho khách lưu trú chưa được chú trọng, gây bất tiện cho khách nghỉ. Vào mùa vụ nông nghiệp, hầu như các gia đình làm homestay không có người ở nhà để đón tiếp khách nếu không được báo trước, vì vậy chất lượng dịch vụ rất hạn chế. Qua trao đổi với Trưởng thôn Bản Thăm, cũng là chủ hộ đang kinh doanh homestay, được biết khách du lịch hầu như là đến thăm quan mà ít có nhu cầu ở lại. Các hộ dân kinh doanh homestay vẫn lấy sản xuất nông nghiệp là sinh kế chính, phần lớn thời gian họ dành trên nương, ít tiếp xúc với xã hội bên ngoài nên vẫn còn tâm lý “ngại” giao lưu với du khách. Nhìn chung, mô hình du lịch cộng đồng vẫn chưa được người dân chú trọng cũng như chưa thực sự mang lại lợi ích kinh tế cho những hộ tham gia.

### **Kết luận**

Trong bối cảnh của nền kinh tế thị trường, người Lự ở xã Bản Hon đã phần nào thể hiện sự năng động và khả năng thích ứng của mình thông qua các hoạt động sinh kế. Việc chuyển đổi cây trồng mới, đáng chú ý là chuyển đa phần nương ngô, lúa sang cây chè đã tạo nguồn thu nhập chính cho nhiều hộ gia đình. Đất đai ngày càng khan hiếm, lại chịu sự tác động của biến đổi khí hậu nên thu nhập từ sản xuất nông nghiệp của người dân không ổn định và đa dạng hóa các loại hình sinh kế là một giải pháp được đồng bào lựa chọn. Tuy nhiên, trong bối cảnh của sự chuyển đổi và hội nhập, những hạn chế nhất định về nguồn lực con người đang đặt ra cho đời sống sinh kế của người dân nơi đây những thách thức mới. Trong thời gian tới, một số giải pháp trước mắt cần quan tâm nhằm cải thiện sinh kế của người Lự nơi đây là: tiếp tục hỗ trợ người dân các giống cây trồng, vật nuôi phù hợp và phổ biến, tập huấn các kiến thức về khoa học kỹ thuật, giúp họ từng bước thích ứng với biến đổi khí hậu cũng như tình hình dịch bệnh; thực hiện hiệu quả các chính sách đào tạo nghề cho lao động địa phương;

nâng cao kỹ năng phục vụ du lịch và có những chính sách cụ thể nhằm kích cầu du lịch để đa dạng nguồn thu nhập cho cộng đồng.

### Tài liệu tham khảo

1. Phạm Quang Hoan (2012), *Văn hóa các tộc người vùng lòng hồ và vùng tái định cư thủy điện Sơn La*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Hoàng Nam (2013), *Tổng quan văn hóa truyền thống các dân tộc Việt Nam* (Quyển 2), Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
3. Nguyễn Đăng Hiệp Phó (2016), “Tiếp cận khung sinh kế bền vững DFID trong nghiên cứu sinh kế của người Mạ ở vườn Quốc gia Cát Tiên”, *Tạp chí Khoa học, Đại học Đồng Nai*, số 2, tr. 101 - 111.
4. Hoàng Sơn (2006), *Người Lự ở Sìn Hồ, Lai Châu*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
5. Lê Ngọc Thắng và cộng sự (2006), *Dự án điều tra về dân tộc Lự*, Báo cáo tổng hợp đề tài, Viện Dân tộc, Ủy ban dân tộc.
6. Lê Ngọc Thắng và Lâm Bá Nam (1990), *Bản sắc văn hóa các dân tộc Việt Nam*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
7. Ủy ban nhân dân huyện Tam Đường (2022), *Niên giám thống kê huyện Tam Đường năm 2022*.
8. Ủy ban nhân dân xã Bản Hòn (2021), *Báo cáo Kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2021*, Số: 92/BC-UBND, ngày 06/12/2022.
9. Ủy ban nhân dân xã Bản Hòn (2022), *Báo cáo Kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2022*, Số: 86/BC-UBND, ngày 08/12/2022.
10. Ủy ban nhân dân xã Bản Hòn (2023), *Báo cáo Tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh 6 tháng đầu năm; nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 2023*, Số: 80/BC-UBND, ngày 09/6/2023.
11. Viện Dân tộc học (1978), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (Các tỉnh phía Bắc)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
12. Viện Dân tộc học (1983), *Sổ tay về các dân tộc ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.